

Số: 36/2023/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình
thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 104/TTr-STP ngày 29 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Người đứng đầu các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó CT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL - BTP;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Như Điều 3 (thi hành);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo TQ, Đài PT&TH tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh; (đăng tải)
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT-NC.

(báo cáo);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn

QUY CHẾ**Phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình
thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*(Kèm theo Quyết định số: 36/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các nội dung không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo văn bản mới đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (sau đây viết là các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh);

2. Các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh;

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây viết là Ủy ban nhân dân cấp huyện);

4. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết là Ủy ban nhân dân cấp xã);

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo sự quản lý toàn diện, thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Đúng pháp luật, đúng thẩm quyền, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

3. Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

4. Việc phối hợp phải được thực hiện kịp thời, chính xác, chặt chẽ, hiệu quả.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu có liên quan đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức họp, hội nghị, sơ kết, tổng kết công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của cơ quan chủ trì thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

4. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Mục 1

PHỐI HỢP XEM XÉT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 5. Phối hợp xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020); theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020 báo cáo Bộ Tư pháp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Tổng hợp, phân tích, đánh giá nội dung kiến nghị của các cơ quan, lập danh mục các văn bản quy định chi tiết không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi lĩnh vực quản lý của cơ quan mình, chủ động nghiên cứu, hoặc trên cơ sở thông báo của Bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là Bộ) về các nội dung nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 29a Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020 để tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, trình ban hành văn bản theo đúng quy định của pháp luật.

b) Chủ trì tổ chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định và phải chịu trách nhiệm về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất, tính đồng bộ, tính khả thi, tính kịp thời đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan mình soạn thảo, trình ban hành.

c) Chủ trì thực hiện việc xem xét, đánh giá tính thống nhất, tính đồng bộ, tính khả thi của văn bản quy định chi tiết và kiến nghị xử lý trong trường hợp phát hiện văn bản quy định chi tiết không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 và Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sau đây viết là Thông tư số 14/2014/TT-BTP).

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện việc xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quản lý theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

Điều 6. Phối hợp xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

1. Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì thực hiện việc xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2014/TT-BTP; kiến nghị việc đảm bảo các điều kiện cho thi hành pháp luật gửi Sở Nội vụ (đối với các kiến nghị về việc bảo đảm về tổ chức, biên

chế và nguồn nhân lực), Sở Tài chính (đôi với kiến nghị về bảo đảm kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất), đồng gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp chung.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện việc xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật trên địa bàn; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý các kiến nghị về việc đảm bảo các điều kiện cho thi hành pháp luật trên địa bàn, đồng gửi Sở Tư pháp tổng hợp.

3. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp, phân tích, xem xét các kiến nghị của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Phối hợp xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật

1. Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

3. Sở Tư pháp phân tích, xem xét, tổng hợp các kiến nghị quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2014/TT-BTP của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Mục 2

PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 8. Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Tư pháp trước ngày 30 tháng 01 của năm kế hoạch.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; kịp thời báo cáo và đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

c) Tổng hợp, xây dựng báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất tiến độ thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh

a) Căn cứ lĩnh vực trọng tâm theo dõi thi hành pháp luật của Bộ chủ quản, chỉ đạo của cơ quan cấp trên và thực tiễn thi hành pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan đề xuất nội dung, lĩnh vực pháp luật trọng tâm theo dõi, đánh giá, gửi Sở Tư pháp tổng hợp trước ngày 15 tháng 01 của năm kế hoạch.

b) Xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan mình để thực hiện, đồng gửi Sở Tư pháp theo dõi, tổng hợp trước ngày 15 tháng 02 của năm kế hoạch.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn huyện tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định.

Điều 9. Phối hợp kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành theo Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh

a) Cử công chức tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập; phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra theo quy định.

b) Chủ trì thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan mình.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện tổ chức kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành tại địa phương.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các

thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

Điều 10. Phối hợp điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

1. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm

a) Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao chủ trì thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo quy định. Tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Tư pháp để tổng hợp theo quy định. Thời hạn báo cáo thực hiện theo Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm hoặc văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với cơ quan được giao chủ trì thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành tổ chức điều tra, khảo sát;

c) Tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực

a) Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan mình; tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý những khó khăn, vướng mắc, bất cập, hạn chế trong công tác thi hành pháp luật; gửi kết quả điều tra, khảo sát về Sở Tư pháp để tổng hợp.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn quản lý; tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý những khó khăn, vướng mắc, bất cập, hạn chế trong công tác thi hành pháp luật; gửi kết quả điều tra, khảo sát về Sở Tư pháp để tổng hợp.

Điều 11. Phối hợp thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ trì thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý của cơ quan, địa phương mình từ các nguồn thông tin theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21

tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Thông tư số 04/2021/TT-BTP).

b) Nghiên cứu, phân tích, so sánh, đối chiếu và đánh giá thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý theo quy định tại Khoản 5 Điều 6 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

c) Căn cứ kết quả đánh giá thông tin tại điểm b khoản này xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định, gửi Sở Tư pháp theo dõi, tổng hợp.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện việc thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật theo quy định.

3. Đề nghị các cơ quan, tổ chức phối hợp cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật, như sau:

a) Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật thông qua hoạt động xét xử;

b) Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp;

c) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh cung cấp thông tin, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân thông qua hoạt động giám sát tình hình thi hành pháp luật;

d) Đề nghị Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật;

đ) Các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh cung cấp ý kiến của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề liên quan;

e) Các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật.

Điều 12. Phối hợp xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên cơ sở kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật và các nguồn thông tin khác chủ trì thực hiện việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 59/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020); tổng hợp kết quả xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật vào báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Tư pháp theo dõi, tổng hợp.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổng hợp kết quả xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật vào báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tỉnh hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

Điều 13. Phối hợp báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật định kỳ hàng năm

a) Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, xây dựng báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Tư pháp tổng hợp trước ngày 05 tháng 12 của kỳ báo cáo.

b) Sở Tư pháp tổng hợp, xây dựng báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 10 tháng 12 của kỳ báo cáo.

c) Thời điểm lấy số liệu báo cáo thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 17 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

2. Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật

a) Căn cứ các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo tình hình xử lý hoặc tham mưu xử lý các kiến nghị này gửi Sở Tư pháp tổng hợp trước ngày 30 tháng 01 năm sau kỳ báo cáo.

b) Sở Tư pháp tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp trong Quý I năm sau của kỳ báo cáo.

c) Nội dung báo cáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

3. Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề tình hình thi hành pháp luật

Khi có yêu cầu báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền, căn cứ nội dung yêu cầu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện việc báo cáo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Kinh phí thực hiện

Kinh phí bảo đảm cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi lĩnh vực thẩm quyền quản lý có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định./.